

Chuyên p. kiểm tra (✓)  
**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH**  
CHO GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 11/04/2014  
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 626 NGÀY 26/06/2013 CỦA BỘ XÂY DỰNG  
(đã được kiểm toán và điều chỉnh theo

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐIỀU CHỈNH**  
Số chứng thực: 2265 Quyển số: 2 SCT/BS  
(Đã được kiểm tra và phê duyệt ngày 15/12/2014)

Ngày: 27-03-2015

T/M UBND XÃ UYÊN NỖ



PHÓ CHỦ TỊCH

*Nguyễn Đình Nhân*

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính điều chỉnh theo Quyết định 626/QĐ-BXD ngày 26/6/2013 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh để cổ phần hóa	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 11/04/2014 đã điều chỉnh theo Quyết định số 626/QĐ-BXD ngày 26/6/2013 của Bộ Xây dựng	7 - 8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính điều chỉnh theo Quyết định số 626/QĐ-BXD ngày 26/06/2013	9 - 21

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh (là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa để chuyển đổi thành Công ty Cổ phần CKĐA-LICOGI nay đổi tên thành Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI) cho giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 11/4/2014 điều chỉnh theo Quyết định số 626 ngày 26/06/2013 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh để cổ phần hóa.

### **CÔNG TY**

#### **Giai đoạn trước cổ phần hóa (từ ngày 01/01/2014 đến ngày 11/04/2014):**

Giai đoạn trước cổ phần hóa Công ty hoạt động với tư cách là Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh (tiền thân là Công ty Cơ khí Đông Anh) là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 01/BXD-TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đổi tên Nhà máy Cơ khí và Đại tu ô tô máy kéo thành Công ty Cơ khí Đông Anh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110352 ngày 09/01/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận bổ sung.

Năm 2005, Công ty Cơ khí Đông Anh được chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Đông Anh theo Quyết định số 2437/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 của Bộ Xây dựng.

Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Đông Anh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000424 ngày 30/06/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ hai do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/01/2012 với tên mới là **Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Đông Anh** và mã số doanh nghiệp là **0100106391**.

Vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Đông Anh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106391 ngày 19/01/2012 là 248.700.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn*).

#### **Giai đoạn cổ phần hóa:**

##### **Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh được cổ phần hóa theo các văn bản pháp lý:**

- Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/2/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;
- Công văn số 2363/TTg-DMDN ngày 27/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Sông Đà;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Quyết định số 19/TĐSD-HĐTV ngày 19/1/2011 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Sông Đà về việc cổ phần hóa công ty mẹ - Tổng công ty Licogi và đơn vị thành viên;
- Quyết định số 22/TĐSD-HĐTV ngày 19/1/2011 của HĐTV Tập đoàn Sông Đà về việc thành lập ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh - Tổng công ty Licogi;
- Quyết định số 75/QĐ/TCT-TCCB ngày 28/2/2011 của Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh;
- Quyết định số 327/TĐSD-HĐTV ngày 30/12/2011 của HĐTV Tập đoàn Sông Đà về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty Mẹ và đơn vị thành viên Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng;
- Quyết định số 185/QĐ-BXD ngày 20/2/2012 của Bộ Xây dựng về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh;
- Quyết định số 80/QĐ-TCT-BCĐ ngày 28/2/2013 của Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ
- Hợp đồng xác định giá trị doanh nghiệp số 68/2012/HĐTV-XĐGTDN CPA Vietnam ngày 11/4/2012 giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh và Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam về việc tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa;
- Biên bản và hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh của Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam ngày 02/10/2012;
- Biên bản thẩm tra kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh ngày 12/6/2013 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa;
- Văn bản số 3950/BTC-TCĐN ngày 01/4/2013 của Bộ Tài chính về việc xác định giá trị doanh nghiệp Công ty Cơ khí Đông Anh;

## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI

Địa chỉ: Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

### **Quyết định phê duyệt giá trị cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh:**

Công ty đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ra Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số 626/QĐ-BXD ngày 26/6/2013 về giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh để cổ phần hóa; theo đó giá trị doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh được xác định tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2012 để cổ phần hóa.

Công ty đã được Bộ Xây dựng phê duyệt phương án cổ phần hóa theo Quyết định số 1038/QĐ-BXD ngày 16/10/2013 và Quyết định số 1358/QĐ-BXD ngày 31/12/2013 phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa sau khi thực hiện xong việc bán cổ phần lần đầu.

### **Chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh thành Công ty Cổ phần:**

Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty cổ phần CKĐA - LICOGI vào ngày 12/3/2014.

Công ty đã được Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Nội cấp "Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần" (thay đổi lần thứ 03). Mã số doanh nghiệp: 0100106391 cấp ngày 11/4/2014, với tên mới là Công ty Cổ phần CKĐA -LICOGI. Đồng thời tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật về việc đăng ký cấp đổi con dấu mới tên Công ty Cổ phần, và bắt đầu sử dụng con dấu mới Công ty Cổ phần từ ngày 15/4/2014. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 04 ngày 27/08/2014 Công ty đã đổi tên là **Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI**.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần CKĐA -LICOGI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106391 đăng ký thay đổi lần 03 ngày 11/4/2014 là 310.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười tỷ đồng chẵn).

Công ty đã thực hiện xong quyết toán thuế với Cục thuế TP. Hà Nội (Biên bản kiểm tra thuế ngày 15/12/2014) và đang hoàn thiện hồ sơ bán giao tài sản, vốn sang Công ty Cổ phần trình Chủ sở hữu (Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng) và Bộ Xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tổ 8 Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 043 8833818. Fax: 043 8832718.

### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Đông Anh từ ngày 01/01/2014 đến ngày 11/4/2014 gồm:

Ông Lại Văn Đàm	Chủ tịch kiêm Giám đốc.
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Giám đốc.
Ông Chu Văn Toàn	Phó Giám đốc.
Ông Nguyễn Đình Hóa	Phó Giám đốc.
Ông Đặng Văn Chung	Phó Giám đốc.
Ông Lê Quý Duẩn	Phó Giám đốc.
Ông Phạm Văn Lộc	Phó Giám đốc.

**Cơ cấu tổ chức Ban lãnh đạo của Công ty Cổ phần CKĐA-LICOGI kể từ ngày 12/04/2014**

(Nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI)

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ông Lại Văn Đàm	Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Ông Ứng Tiến Đỗ	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.
Ông Đoàn Xuân Luyện	Thành viên Hội đồng quản trị.
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên Hội đồng quản trị.
Ông Đặng Văn Chung	Thành viên Hội đồng quản trị.
Ông Nguyễn Thị Lệ	Thành viên Hội đồng quản trị.
Ông Nguyễn Danh Quân	Thành viên Hội đồng quản trị.

### **BAN KIỂM SOÁT**

Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng Ban kiểm soát.
Bà Nguyễn Thị Thoa	Kiểm soát viên.
Ông Hoàng Như Thái	Kiểm soát viên.

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần CKĐA-LICOGI đã điều hành Công ty từ ngày 12/4/2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	TV HĐQT - Tổng Giám đốc.
Ông Đặng Văn Chung	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Nhà máy Nhôm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI**

Địa chỉ: Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

Ông Chu Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc.
Ông Lê Quý Duẩn	Phó Tổng Giám đốc.
Ông Nguyễn Đình Hóa	Phó Tổng Giám đốc.
Ông Phạm Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc.

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Bà Nguyễn Thị Lệ                      TV HĐQT - Kế toán trưởng Công ty.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty trong phạm vi phù hợp có trách nhiệm lập báo cáo tài chính điều chỉnh này theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng, bao gồm cả việc trình bày hợp lý báo cáo tài chính trong các trường hợp cần thiết. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn. Theo đó báo cáo tài chính điều chỉnh phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 11/04/2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính điều chỉnh trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh được lập cho giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 11/04/2014 đã được kiểm toán, đã quyết toán thuế và được điều chỉnh theo Quyết định số 626/QĐ-BXD ngày 26/06/2013 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh để cổ phần hóa. Trong việc lập Báo cáo tài chính điều chỉnh này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở kết thúc hoạt động của Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh tại ngày 11/04/2014; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh giai đoạn tài chính kết thúc ngày 11/04/2014 (là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa để chuyển đổi thành Công ty Cổ phần CKĐA-LICOGI nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI) ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Mạnh Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2014



AUDITING, INVESTMENT, FINANCE, ACCOUNTING  
AND TAX CONSULTANCY

COM.PT CO.,LTD  
32/203, Chua Boc Street, Dong Da  
District, Ha Noi  
Tel: (84-4) 3 5 640 218; 0913 002299  
Fax: (84-4) 6 2517 402  
Email: comptkiemtoan@gmail.com

Số: 1912/2014/BCTC-COM.PT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc tại ngày 11/04/2014 được điều chỉnh theo Quyết định 626/QĐ-BXD ngày 26/6/2013 của Bộ Xây dựng của

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH**

là Công ty được cổ phần hóa để chuyển đổi thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN CKĐA-LICOGI**

(Nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI)

**Kính gửi: BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính điều chỉnh theo Quyết định số 626/QĐ-BXD kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Đông Anh (gọi tắt là "Công ty") là Công ty được cổ phần hóa chuyển đổi thành Công ty Cổ phần CKĐA-LICOGI (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI, được lập ngày 23/12/2014, từ trang 07 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 11 tháng 4 năm 2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính đã điều chỉnh sau quyết toán thuế và Quyết định số 626/QĐ-BXD ngày 26/6/2013 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh để cổ phần hóa (gọi chung là "Báo cáo tài chính điều chỉnh").

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính điều chỉnh của Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Đông Anh là Công ty được cổ phần hóa chuyển đổi thành Công ty Cổ phần CKĐA-LICOGI (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh) được lập tại ngày 11/04/2014 theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng, bao gồm cả việc trình bày hợp lý báo cáo tài chính trong các trường hợp cần thiết, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp luật khác có liên quan và điều chỉnh sau quyết toán thuế và Quyết định số 626/QĐ-BXD ngày 26/06/2013 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Đông Anh để cổ phần hóa. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này Ban Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính điều chỉnh dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc Báo cáo tài chính điều chỉnh của Công ty không còn sai sót trọng yếu.

**COM.PT**  
ĐỘC LẬP - KHÁCH QUAN  
THẤU HIỂU THỰC TIỄN



Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính điều chỉnh. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính điều chỉnh trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính điều chỉnh.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính điều chỉnh đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính đã được điều chỉnh của Công ty tại ngày 11 tháng 4 năm 2014 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định pháp luật có liên quan và Quyết định số 626/QĐ-BXD ngày 26/06/2013 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Đông Anh để cổ phần hóa đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính rằng:

Do tới ngày 11 tháng 4 năm 2014, Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Đông Anh được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Đông Anh sang Công ty Cổ phần CKĐA - LICOGI nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI nên Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 11/4/2014 điều chỉnh sau quyết toán thuế và Quyết định số 626/QĐ-BXD ngày 26/06/2013 của Bộ Xây dựng sẽ được lập bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI.



**Vũ Hoàng Giang**

Tổng Giám đốc

Số GCNĐKHNT: 0439-2013-069-1

**Lê Thị Hòa**

Kiểm toán viên

Số GCNĐKHNT: 0653-2014-069-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 626/QĐ-BXD NGÀY 26/06/2013**  
về giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh để cổ phần hóa

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 11 tháng 04 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Số liệu sổ sách tại	Số liệu sổ sách tại	Số liệu sổ sách tại
		ngày 31/12/2013 (đã kiểm toán và quyết toán thuế)	ngày 11/04/2014 (đã kiểm toán và quyết toán thuế)	ngày 11/04/2014 (đã kiểm toán và quyết toán thuế)
		Số liệu chưa điều chỉnh theo QĐ626	Số liệu chưa điều chỉnh theo QĐ626	Số liệu đã điều chỉnh theo QĐ626
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>564.891.316.617</b>	<b>505.488.310.290</b>	<b>510.416.792.646</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>96.638.198.094</b>	<b>55.389.401.108</b>	<b>55.389.401.108</b>
1. Tiền	111	86.638.198.094	45.389.401.108	45.389.401.108
2. Các khoản tương đương tiền	112	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>208.801.883.244</b>	<b>198.864.882.994</b>	<b>206.090.824.015</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	159.634.143.183	140.205.718.826	140.205.718.826
2. Trả trước cho người bán	132	11.280.839.557	11.692.459.889	11.692.459.889
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	45.166.113.214	54.192.645.300	54.192.645.300
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	(7.279.212.710)	(7.225.941.021)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>244.260.598.473</b>	<b>235.071.624.419</b>	<b>232.529.622.008</b>
1. Hàng tồn kho	141	245.897.665.463	236.708.691.409	232.529.622.008
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.637.066.990)	(1.637.066.990)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>15.190.636.806</b>	<b>16.162.401.769</b>	<b>16.406.945.515</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.290.402.772	12.243.342.680	12.487.886.426
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	721.184.885	721.184.885
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	2.900.234.034	3.197.874.204	3.197.874.204
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>	<b>245.994.542.020</b>	<b>239.013.408.876</b>	<b>260.554.746.581</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>82.748.486.563</b>	<b>76.154.473.445</b>	<b>95.319.657.253</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	82.685.873.084	75.830.027.127	94.995.210.935
- Nguyên giá	222	282.182.850.250	282.182.850.250	286.548.636.980
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(199.496.977.166)	(206.352.823.123)	(191.553.426.045)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	62.613.479	324.446.318	324.446.318
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>159.253.337.143</b>	<b>159.253.337.143</b>	<b>159.253.337.143</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>3.992.718.314</b>	<b>3.605.598.288</b>	<b>5.981.752.185</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	3.992.718.314	3.605.598.288	5.981.752.185
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>810.885.858.637</b>	<b>744.501.719.166</b>	<b>770.971.539.227</b>



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 626/QĐ-BXD NGÀY 26/06/2013**  
về giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh để cổ phần hóa

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 11 tháng 04 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Số liệu sổ sách tại	Số liệu sổ sách tại	Số liệu sổ sách tại
		ngày 31/12/2013 (đã kiểm toán và quyết toán thuế)	ngày 11/04/2014 (đã kiểm toán và quyết toán thuế)	ngày 11/04/2014 (đã kiểm toán và quyết toán thuế)
		Số liệu chưa điều chỉnh theo QĐ626	Số liệu chưa điều chỉnh theo QĐ626	Số liệu đã điều chỉnh theo QĐ626
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>	<b>524.831.197.609</b>	<b>458.447.058.138</b>	<b>458.447.058.138</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>504.963.980.871</b>	<b>442.742.122.100</b>	<b>442.742.122.100</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	273.632.399.537	273.959.409.819	273.959.409.819
2. Phải trả cho người bán	312	60.410.130.283	47.934.611.098	47.934.611.098
3. Người mua trả tiền trước	313	65.024.482.902	41.739.821.820	41.739.821.820
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	9.247.567.427	12.252.658.493	12.252.658.493
5. Phải trả người lao động	315	11.614.170.655	7.222.560.319	7.222.560.319
6. Chi phí phải trả	316	-	603.249.200	603.249.200
7. Phải trả nội bộ	317	34.158.611.760	42.644.201.146	42.644.201.146
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	37.000.270.845	4.623.839.636	4.623.839.636
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	13.876.347.462	11.761.770.569	11.761.770.569
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>19.867.216.738</b>	<b>15.704.936.038</b>	<b>15.704.936.038</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	19.867.216.738	15.704.936.038	15.704.936.038
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>286.054.660.928</b>	<b>286.054.661.028</b>	<b>312.524.481.089</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>286.054.660.928</b>	<b>286.054.661.028</b>	<b>312.524.481.089</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	102.073.440.828	102.073.440.828	153.271.143.946
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	1.827.329.203	1.827.329.303	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	22.900.553.754	22.900.553.754	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>810.885.858.537</b>	<b>744.501.719.166</b>	<b>770.971.539.227</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 11 tháng 4 năm 2014

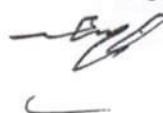
Chỉ tiêu	31/12/2013	11/04/2014	11/04/2014
	Số liệu chưa điều chỉnh theo QĐ626	Số liệu chưa điều chỉnh theo QĐ626	Số liệu đã điều chỉnh theo QĐ626
5. Ngoại tệ các loại			
- USD	497.002,75	562.136,56	562.136,56

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lệ



Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2014

Tổng Giám đốc

Nguyễn Mạnh Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐÔNG ANH LICOGI**

Địa chỉ: Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH**

Báo cáo tài chính điều chỉnh

cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 11/4/2014

**PHẦN 1: GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP XÁC ĐỊNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 626/QĐ-BXD**

TÀI SẢN	Số liệu sổ sách tại 01/07/2012 để xác định GTDN ( đã được kiểm toán)	Giá trị chênh lệch đánh giá lại theo QĐ626	Số xác định lại tại 01/07/2012 theo QĐ626
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>435.879.673.264</b>	<b>28.356.502.013</b>	<b>464.236.175.277</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>77.417.813.604</b>	-	<b>77.417.813.604</b>
1. Tiền	77.417.813.604	-	77.417.813.604
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>137.903.640.065</b>	<b>31.055.627.097</b>	<b>168.959.267.162</b>
1. Phải thu của khách hàng	129.231.823.832	(154.300)	129.231.669.532
2. Trả trước cho người bán	13.309.311.396	-	13.309.311.396
5. Các khoản phải thu khác	4.093.728.053	22.424.558.181	26.518.286.234
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(8.731.223.216)	8.631.223.216	(100.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>204.471.631.711</b>	<b>(2.772.389.682)</b>	<b>201.699.242.029</b>
1. Hàng tồn kho	206.214.370.867	(4.515.128.838)	201.699.242.029
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.742.739.156)	1.742.739.156	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>16.086.587.884</b>	<b>73.264.598</b>	<b>16.159.852.482</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12.991.798.231	73.264.598	13.065.062.829
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	118.252.553	-	118.252.553
4. Tài sản ngắn hạn khác	2.976.537.100	-	2.976.537.100
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>272.769.894.932</b>	<b>21.713.630.508</b>	<b>294.483.525.440</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>110.691.214.987</b>	<b>19.460.098.123</b>	<b>130.151.313.110</b>
1. TSCĐ hữu hình	110.262.193.450	19.460.098.123	129.722.291.573
- Nguyên giá	274.157.734.322	4.128.494.310	278.286.228.632
- Giá trị hao mòn lũy kế	(163.895.540.872)	15.331.603.813	(148.563.937.059)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	429.021.537	-	429.021.537
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>159.253.337.143</b>	-	<b>159.253.337.143</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	159.253.337.143	-	159.253.337.143
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>2.825.342.802</b>	<b>2.253.532.385</b>	<b>5.078.875.187</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	2.825.342.802	2.253.532.385	5.078.875.187
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>708.649.568.196</b>	<b>50.070.132.521</b>	<b>758.719.700.717</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH****PHẦN 1: GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP XÁC ĐỊNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 626/QĐ-BXD**

NGUỒN VỐN	Số liệu sổ sách tại 01/07/2012 để xác định GTDN ( đã được kiểm toán)	Giá trị chênh lệch đánh giá lại theo QĐ626	Số xác định lại tại 01/07/2012 theo QĐ626
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>425.787.165.792</b>	<b>5.806.139.545</b>	<b>431.593.305.337</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>383.599.570.858</b>	<b>5.806.139.545</b>	<b>389.405.710.403</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	210.483.976.296	-	210.483.976.296
2. Phải trả cho người bán	64.913.482.049	-	64.913.482.049
3. Người mua trả tiền trước	45.258.933.814	-	45.258.933.814
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.037.277.699	-	4.037.277.699
5. Phải trả người lao động	6.317.212.421	-	6.317.212.421
7. Phải trả nội bộ	28.360.000.000	-	28.360.000.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.986.233.997	-	5.986.233.997
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.242.454.582	5.806.139.545	24.048.594.127
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>42.187.594.934</b>	-	<b>42.187.594.934</b>
4. Vay và nợ dài hạn	41.560.487.083	-	41.560.487.083
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	627.107.851	-	627.107.851
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>282.862.402.404</b>	<b>44.263.992.976</b>	<b>327.126.395.380</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>282.862.402.404</b>	<b>44.263.992.976</b>	<b>327.126.395.380</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	96.682.060.517	-	96.682.060.517
3. Vốn khác của chủ sở hữu	159.253.337.143	-	159.253.337.143
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	44.263.992.976	44.263.992.976
7. Quỹ đầu tư phát triển	5.523.998.230	-	5.523.998.230
8. Quỹ dự phòng tài chính	21.403.006.514	-	21.403.006.514
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>708.649.568.196</b>	<b>50.070.132.521</b>	<b>758.719.700.717</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

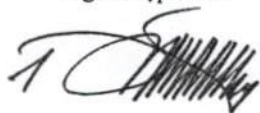
Từ 01/01/2014 đến 11/4/2014

Đơn vị tính: VND

Kỳ trước

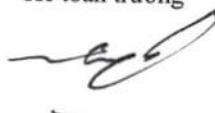
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 11/4/2014	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	267.715.457.565	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	269.852.223	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	267.445.605.342	-
4. Giá vốn hàng bán	11	24	243.412.319.650	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.033.285.692	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	10.285.634.289	-
7. Chi phí tài chính	22	26	6.530.147.344	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.474.803.237	-
8. Chi phí bán hàng	24		3.495.365.778	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.168.314.867	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.125.091.992	-
11. Thu nhập khác	31		48.781.977	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		48.781.977	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.173.873.969	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	493.752.526	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.680.121.443	-

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lệ

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2014



Nguyễn Mạnh Hà

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Từ 01/01/2014 đến 11/4/2014

Đơn vị tính: VND

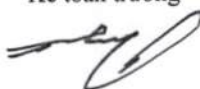
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 11/4/2014	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		278.574.456.379	-
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(223.604.392.926)	-
Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.625.841.152)	-
Tiền chi trả lãi vay	04		(6.202.881.381)	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.448.498.641)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.966.572.214	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(67.772.768.941)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(37.113.354.448)</b>	-
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		(286.883.019)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(286.883.019)</b>	-
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		188.261.281.314	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(192.096.551.732)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.835.270.418)</b>	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(41.235.507.885)</b>	-
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		96.638.198.094	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(13.289.101)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>55.389.401.108</b>	-

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lệ

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2014



Nguyễn Mạnh Hà

## PHẦN II. SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 626/QĐ-BXD TỪ NGÀY 01/07/2012 ĐẾN NGÀY 11/04/2014

TÀI SẢN	Số liệu sổ sách tại 01/07/2012 để xác định GTDN (đã được kiểm toán)	Số liệu sổ sách tại 31/12/2012 (đã được kiểm toán)	Số liệu sổ sách tại 31/12/2013 (đã được kiểm toán và quyết toán thuế)	Số liệu sổ sách tại 11/04/2014 (đã được kiểm toán và quyết toán thuế)	Giá trị chênh lệch điều chỉnh theo QĐ626	Giá trị tăng (+), giảm (-) từ 01/07/2012 đến 11/04/2014	Số liệu sau điều chỉnh theo QĐ626 tại ngày 11/04/2014 (đã được kiểm toán và quyết toán thuế)	Thuyết minh
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>435.879.673.264</b>	<b>440.050.157.528</b>	<b>564.891.316.617</b>	<b>505.488.310.290</b>	<b>28.356.502.013</b>	<b>(23.428.019.657)</b>	<b>510.416.792.646</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>77.417.813.604</b>	<b>58.501.258.685</b>	<b>96.638.198.094</b>	<b>55.389.401.108</b>	-	-	<b>55.389.401.108</b>	
1. Tiền	77.417.813.604	58.501.258.685	86.638.198.094	45.389.401.108	-	-	45.389.401.108	
2. Các khoản tương đương tiền	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	-	-	-	-	-	-	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>137.903.640.065</b>	<b>156.353.798.183</b>	<b>208.801.883.244</b>	<b>198.864.882.994</b>	<b>31.055.627.097</b>	<b>(23.829.686.076)</b>	<b>206.090.824.015</b>	
1. Phải thu của khách hàng	129.231.823.832	154.729.115.218	159.634.143.183	140.205.718.826	(154.300)	154.300	140.205.718.826	(1)
2. Trả trước cho người bán	13.309.311.396	2.691.596.071	11.280.839.557	11.692.459.889	-	-	11.692.459.889	
5. Các khoản phải thu khác	4.093.728.053	7.425.198.028	45.166.113.214	54.192.645.300	22.424.558.181	(22.424.558.181)	54.192.645.300	(2)
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(8.731.223.216)	(8.492.111.134)	(7.279.212.710)	(7.225.941.021)	8.631.223.216	(1.405.282.195)	-	(3)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>204.471.631.711</b>	<b>210.383.045.788</b>	<b>244.260.598.473</b>	<b>235.071.624.419</b>	<b>(2.772.389.682)</b>	<b>230.387.271</b>	<b>232.529.622.008</b>	(4)
1. Hàng tồn kho	206.214.370.867	212.129.361.193	245.897.665.463	236.708.691.409	(4.515.128.838)	336.059.437	232.529.622.008	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.742.739.156)	(1.746.315.405)	(1.637.066.990)	(1.637.066.990)	1.742.739.156	(105.672.166)	-	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>16.086.587.884</b>	<b>14.812.054.872</b>	<b>15.190.636.806</b>	<b>16.162.401.769</b>	<b>73.264.598</b>	<b>171.279.148</b>	<b>16.406.945.515</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12.991.798.231	12.124.462.912	12.290.402.772	12.243.342.680	73.264.598	171.279.148	12.487.886.426	(5)
2. Thuế GTGT được khấu trừ	118.252.553	-	-	-	-	-	-	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	-	721.184.885	-	-	721.184.885	
4. Tài sản ngắn hạn khác	2.976.537.100	2.687.591.960	2.900.234.034	3.197.874.204	-	-	3.197.874.204	
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>272.769.894.932</b>	<b>264.704.867.628</b>	<b>245.994.542.020</b>	<b>239.013.408.876</b>	<b>21.713.630.508</b>	<b>(172.292.803)</b>	<b>260.554.746.581</b>	
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-	-	-	-	-	-	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>110.691.214.987</b>	<b>101.142.541.286</b>	<b>82.748.486.563</b>	<b>76.154.473.445</b>	<b>19.460.098.123</b>	<b>(294.914.315)</b>	<b>95.319.657.253</b>	
1. TSCĐ hữu hình	110.262.193.450	99.803.046.008	82.685.873.084	75.830.027.127	19.460.098.123	(294.914.315)	94.995.210.935	(6)
- Nguyên giá	274.157.734.322	276.893.244.691	282.182.850.250	282.182.850.250	4.128.494.310	237.292.420	286.548.636.980	
- Giá trị hao mòn lũy kế	(163.895.540.872)	(177.090.198.683)	(199.496.977.166)	(206.352.823.123)	15.331.603.813	(532.206.735)	(191.553.426.045)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	429.021.537	1.339.495.278	62.613.479	324.446.318	-	-	324.446.318	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	-	-	-	-	-	-	-	
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>159.253.337.143</b>	<b>159.253.337.143</b>	<b>159.253.337.143</b>	<b>159.253.337.143</b>	-	-	<b>159.253.337.143</b>	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143	159.253.337.143	-	-	159.253.337.143	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>2.825.342.802</b>	<b>4.308.989.199</b>	<b>3.992.718.314</b>	<b>3.605.598.288</b>	<b>2.253.532.385</b>	<b>122.621.512</b>	<b>5.981.752.185</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	2.825.342.802	4.308.989.199	3.992.718.314	3.605.598.288	2.253.532.385	122.621.512	5.981.752.185	(7)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>708.649.568.196</b>	<b>704.755.025.156</b>	<b>810.885.858.637</b>	<b>744.501.719.166</b>	<b>50.070.132.521</b>	<b>(23.600.312.460)</b>	<b>770.971.539.227</b>	

## PHẦN II. SỐ LIỆU ĐIỀU CHỈNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 626/QĐ-BXD TỪ NGÀY 01/07/2012 ĐẾN NGÀY 11/04/2014

NGUỒN VỐN	Số liệu sổ sách tại 01/07/2012 để xác định GTDN (đã được kiểm toán)	Số liệu sổ sách tại 31/12/2012 (đã được kiểm toán)	Số liệu sổ sách tại 31/12/2013 (đã được kiểm toán) <i>và QĐ của Thủ</i>	Số liệu sổ sách tại 11/04/2014 (đã được kiểm toán) <i>QĐ của Thủ</i>	Giá trị chênh lệch điều chỉnh theo QĐ626	Giá trị tăng (+), giảm (-) từ 01/07/2012 đến 11/04/2014	Xác định vốn nhà nước chuyển công ty cổ phần để cổ phần hóa	Số liệu sau điều chỉnh theo QĐ626 tại ngày 11/04/2014 (đã được kiểm toán) <i>và QĐ của Thủ</i>	Thuyết minh
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>425.787.165.792</b>	<b>418.192.387.386</b>	<b>524.831.197.609</b>	<b>458.447.058.138</b>	<b>5.806.139.545</b>	<b>(5.806.139.545)</b>	-	<b>458.447.058.138</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>383.599.570.858</b>	<b>390.508.747.280</b>	<b>504.963.980.871</b>	<b>442.742.122.100</b>	<b>5.806.139.545</b>	<b>(5.806.139.545)</b>	-	<b>442.742.122.100</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	210.483.976.296	266.320.824.785	273.632.399.537	273.959.409.819	-	-	-	273.959.409.819	
2. Phải trả cho người bán	64.913.482.049	56.497.998.815	60.410.130.283	47.934.611.098	-	-	-	47.934.611.098	
3. Người mua trả tiền trước	45.258.933.814	31.623.508.060	65.024.482.902	41.739.821.820	-	-	-	41.739.821.820	
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.037.277.699	6.253.488.385	9.247.567.427	12.252.658.493	-	-	-	12.252.658.493	
5. Phải trả người lao động	6.317.212.421	11.942.986.184	11.614.170.655	7.222.560.319	-	-	-	7.222.560.319	
6. Chi phí phải trả	-	-	-	603.249.200	-	-	-	603.249.200	
7. Phải trả nội bộ	28.360.000.000	-	34.158.611.760	42.644.201.146	-	-	-	42.644.201.146	
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.986.233.997	5.215.555.345	37.000.270.845	4.623.839.636	-	-	-	4.623.839.636	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18.242.454.582	12.654.385.706	13.876.347.462	11.761.770.569	5.806.139.545	(5.806.139.545)	-	11.761.770.569	(8)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>42.187.594.934</b>	<b>27.683.640.106</b>	<b>19.867.216.738</b>	<b>15.704.936.038</b>	-	-	-	<b>15.704.936.038</b>	
4. Vay và nợ dài hạn	41.560.487.083	27.683.640.106	19.867.216.738	15.704.936.038	-	-	-	15.704.936.038	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	627.107.851	-	-	-	-	-	-	-	
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>282.862.402.404</b>	<b>286.562.637.770</b>	<b>286.054.661.028</b>	<b>286.054.661.028</b>	<b>44.263.992.976</b>	<b>(17.794.172.915)</b>	-	<b>312.524.481.089</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>282.862.402.404</b>	<b>286.562.637.770</b>	<b>286.054.661.028</b>	<b>286.054.661.028</b>	<b>44.263.992.976</b>	<b>(17.794.172.915)</b>	-	<b>312.524.481.089</b>	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	96 682 060 517	97 490 586 062	102 073 440 828	102 073 440 828	-	-	51.197.703.118	153.271.143.946	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	159 253 337 143	159 253 337 143	159 253 337 143	159 253 337 143	-	-	-	159.253.337.143	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	44.263.992.976	(17.794.172.915)	(26.469.820.061)	-	(9)
7. Quỹ đầu tư phát triển	5 523 998 230	6 918 160 813	1 827 329 303	1 827 329 303	-	-	(1.827.329.303)	-	
8. Quỹ dự phòng tài chính	21 403 006 514	22 900 553 754	22 900 553 754	22 900 553 754	-	-	(22.900.553.754)	-	
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN 440 = 300 + 400)</b>	<b>708.649.568.196</b>	<b>704.755.025.156</b>	<b>810.885.858.637</b>	<b>744.501.719.166</b>	<b>50.070.132.521</b>	<b>(23.600.312.460)</b>	-	<b>770.971.539.227</b>	

**PHẦN III. BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN, NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU SAU ĐIỀU CHỈNH  
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 626/QĐ-BXD CỦA BỘ XÂY DỰNG**

TÀI SẢN	Số liệu sổ sách tại 01/07/2012 để xác định GTDN (đã được kiểm toán)	Số liệu sổ sách tại 11/04/2014 (đã được kiểm toán và quyết toán thuế)	Chênh lệch (tăng, giảm) từ 01/07/2012 đến 11/04/2014	Giá trị chênh lệch điều chỉnh theo QĐ626	Tăng, giảm theo QĐ626	Số liệu sau điều chỉnh theo QĐ626 tại ngày 11/04/2014 (đã được kiểm toán và quyết toán thuế)
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>435.879.673.264</b>	<b>505.488.310.290</b>	<b>69.608.637.026</b>	<b>28.356.502.013</b>	<b>(23.428.019.657)</b>	<b>510.416.792.646</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	77.417.813.604	55.389.401.108	(22.028.412.496)	-	-	55.389.401.108
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	137.903.640.065	198.864.882.994	60.961.242.929	31.055.627.097	(23.829.686.076)	206.090.824.015
IV. Hàng tồn kho	204.471.631.711	235.071.624.419	30.599.992.708	(2.772.389.682)	230.387.271	232.529.622.008
V. Tài sản ngắn hạn khác	16.086.587.884	16.162.401.769	75.813.885	73.264.598	171.279.148	16.406.945.515
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>272.769.894.932</b>	<b>239.013.408.876</b>	<b>(33.756.486.056)</b>	<b>21.713.630.508</b>	<b>(172.292.803)</b>	<b>260.554.746.581</b>
II. Tài sản cố định	110.691.214.987	76.154.473.445	(34.536.741.542)	19.460.098.123	(294.914.315)	95.319.657.253
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	159.253.337.143	159.253.337.143	-	-	-	159.253.337.143
V. Tài sản dài hạn khác	2.825.342.802	3.605.598.288	780.255.486	2.253.532.385	122.621.512	5.981.752.185
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>708.649.568.196</b>	<b>744.501.719.166</b>	<b>35.852.150.970</b>	<b>50.070.132.521</b>	<b>(23.600.312.460)</b>	<b>770.971.539.227</b>

NGUỒN VỐN	Số liệu sổ sách tại 01/07/2012 để xác định GTDN (đã được kiểm toán)	Số liệu sổ sách tại 11/04/2014 (đã được kiểm toán và quyết toán thuế)	Chênh lệch (tăng, giảm) từ 01/07/2012 đến 11/04/2014	Giá trị chênh lệch điều chỉnh theo QĐ626	Tăng, giảm theo QĐ626	Điều chuyển nguồn vốn khi chuyển sang Cty Cổ phần	Số liệu sau điều chỉnh theo QĐ626 tại ngày 11/04/2014 (đã được kiểm toán và quyết toán thuế)
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>425.787.165.792</b>	<b>458.447.058.138</b>	<b>32.659.892.346</b>	<b>5.806.139.545</b>	<b>(5.806.139.545)</b>	-	<b>458.447.058.138</b>
I. Nợ ngắn hạn	383.599.570.858	442.742.122.100	59.142.551.242	5.806.139.545	(5.806.139.545)	-	442.742.122.100
II. Nợ dài hạn	42.187.594.934	15.704.936.038	(26.482.658.896)	-	-	-	15.704.936.038
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>282.862.402.404</b>	<b>286.054.661.028</b>	<b>3.192.258.624</b>	<b>44.263.992.976</b>	<b>(17.794.172.915)</b>	-	<b>312.524.481.089</b>
I. Vốn chủ sở hữu	282.862.402.404	286.054.661.028	3.192.258.624	44.263.992.976	(17.794.172.915)	-	312.524.481.089
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	96.682.060.517	102.073.440.828	5.391.380.311	-	-	51.197.703.118	153.271.143.946
3. Vốn khác của chủ sở hữu	159.253.337.143	159.253.337.143	-	-	-	-	159.253.337.143
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	44.263.992.976	(17.794.172.915)	(26.469.820.061)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	5.523.998.230	1.827.329.303	(3.696.668.927)	-	-	(1.827.329.303)	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	21.403.006.514	22.900.553.754	1.497.547.240	-	-	(22.900.553.754)	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN 440 = 300 + 400)</b>	<b>708.649.568.196</b>	<b>744.501.719.166</b>	<b>35.852.150.970</b>	<b>50.070.132.521</b>	<b>(23.600.312.460)</b>	-	<b>770.971.539.227</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Giai đoạn trước cổ phần hóa Công ty hoạt động với tư cách là Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh (tiền thân là Công ty Cơ khí Đông Anh) là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 01/BXD-TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc đổi tên Nhà máy Cơ khí và Đại tu ô tô máy kéo thành Công ty Cơ khí Đông Anh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110352 ngày 09/01/1996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận bổ sung.

Năm 2005, Công ty Cơ khí Đông Anh được chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Đông Anh theo Quyết định số 2437/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 của Bộ Xây dựng.

Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Đông Anh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000424 ngày 30/06/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ hai do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/01/2012 với tên mới là Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Đông Anh và mã số doanh nghiệp là 0100106391.

Công ty đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ra Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp số 626/QĐ-BXD ngày 26/6/2013 về giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh để cổ phần hóa; theo đó giá trị doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh được xác định tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2012 để cổ phần hóa.

Công ty đã được Bộ Xây dựng phê duyệt phương án cổ phần hóa theo Quyết định số 1038/QĐ-BXD ngày 16/10/2013 và Quyết định số 1358/QĐ-BXD ngày 31/12/2013 phê duyệt điều chỉnh phương án cổ phần hóa sau khi thực hiện xong việc bán cổ phần lần đầu. Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty cổ phần CKĐA - LICOGI vào ngày 12/3/2014.

Công ty đã được Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Nội cấp "Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần" (thay đổi lần thứ 03). Mã số doanh nghiệp: 0100106391 cấp ngày 11/4/2014, với tên mới là Công ty Cổ phần CKĐA -LICOGI. Đồng thời tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật về việc đăng ký cấp đổi con dấu mới tên Công ty Cổ phần, và bắt đầu sử dụng con dấu mới Công ty Cổ phần từ ngày 15/4/2014. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 04 ngày 27/08/2014 Công ty đã đổi tên là Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI.

Vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Đông Anh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106391 ngày 19/01/2012 là 248.700.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn).

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần CKĐA -LICOGI theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106391 đăng ký thay đổi lần 03 ngày 11/4/2014 là 310.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười tỷ đồng chẵn).

**Thông tin về các đơn vị trực thuộc của Công ty**

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh - Thị trấn Đông Anh, Nhà máy Nhóm Đông Anh (nay là Chi nhánh Công ty Hà Nội CP Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Nhóm Đông Anh)	Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế, chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian...
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cơ khí Đông Anh - Thị trấn Đông Anh, Nhà máy Kết cấu thép và Xây lắp Cơ khí Đông Anh Hà Nội (nay là Chi nhánh Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI - Nhà máy Kết cấu thép và Xây lắp CKĐA)	Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	Sản xuất ván khuôn thép; Gia công thép; Thiết kế, chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian...
Chi nhánh Công ty Cổ phần CKĐA-LICOGI - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cơ khí Xây dựng	Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	

**Thông tin về công ty liên doanh của Công ty**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Khu công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, Hà Nội

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Đúc sắt, thép; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản; Nấu và tôi luyện thép các sản phẩm đúc; Xuất nhập khẩu hóa chất công nghiệp tinh khiết và hóa chất thí nghiệm (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, sản phẩm đúc, cơ khí và luyện kim; Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế và thi công các cấu kiện và sản phẩm nhôm; Triển khai các dịch vụ thông tin khoa học công nghệ; Thiết kế giàn lưới kim loại cho các công trình xây dựng; Thiết kế và chế tạo các sản phẩm: phụ tùng máy xây dựng, thiết bị trong ngành xây dựng; Nghiên cứu thép hợp kim để chế tạo các sản phẩm cơ khí xây dựng và công nghiệp; Thiết kế, chế tạo, lắp ráp máy xây dựng; Sản xuất, lắp ráp các thiết bị chịu áp lực; Thiết kế, chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Kinh doanh, đại lý xăng, dầu mỡ các loại; Kinh doanh, đại lý các sản phẩm đúc, luyện kim, cơ khí, phụ tùng, thiết bị và vật liệu bôi trơn theo nhu cầu thị trường; Sản xuất gia công, lắp đặt các thiết bị và kết cấu kim loại; Sản xuất phụ tùng, phụ kiện, thiết bị máy cho ngành xây dựng..../.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nấu và tôi luyện thép các sản phẩm đúc;
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình;
- Thiết kế, chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh, đại lý xăng, dầu mỡ các loại;
- Sản xuất gia công, lắp đặt các thiết bị và kết cấu kim loại.

Tổng số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 11 tháng 4 năm 2014 là: 898 người

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Giai đoạn tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc vào ngày 11 tháng 4 năm 2014.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13. Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội. Luật số 32/2013/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2014 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Luật số 32/2013/QH13 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Chi nhánh cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 11 tháng 4 năm 2014.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Góp vốn liên doanh**

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc và tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 08 "Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh". Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lợi kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

*Nguyên tắc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 11/04/2014:*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Nguyên tắc trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi được căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.

*Nguyên tắc hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 11/04/2014 theo Quyết định số 626/QĐ-BXD:*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được hoàn nhập để ghi tăng vốn chủ sở hữu, bao gồm hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập có số dư tại thời điểm 01/07/2012 và hoàn nhập (hoặc điều chỉnh hoàn nhập) các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập tăng (hoặc thu hồi được hay hoàn nhập) kể từ ngày 01/07/2012 đến ngày 11/04/2014.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

*Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 11/04/2014:*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

*Nguyên tắc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 11/04/2014 theo Quyết định số 626/QĐ-BXD:*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập để ghi tăng vốn chủ sở hữu, bao gồm hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập có số dư tại thời điểm 01/07/2012 và hoàn nhập (hoặc điều chỉnh hoàn nhập) các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập tăng (hoặc thu hồi được hay hoàn nhập) kể từ ngày 01/07/2012 đến ngày 11/04/2014.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận phù hợp với tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 "Tài sản cố định hữu hình". Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính tiếp sau.

Chi phí trả trước ngắn hạn là các khoản chi phí về công cụ dụng cụ phục vụ cho sản xuất phân bổ trong vòng 12 tháng, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị, phần mềm và khuôn ép sản phẩm nhôm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn (chi phí sửa chữa đường, công thoát nước, sửa chữa máy móc thiết bị) vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định hiện hành.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần. Giá trị doanh nghiệp này được xác định tại thời điểm ngày 01/07/2012 và được Bộ Xây dựng phê duyệt theo Quyết định số 626/QĐ-BXD ngày 26/06/2013 về giá trị doanh nghiệp và giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Đông Anh để cổ phần hóa. Giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Đông Anh tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2012 để cổ phần hóa như sau:

Tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp: 758.719.700.717 đồng (Bảy trăm năm mươi tám tỷ, bảy trăm mười chín triệu, bảy trăm nghìn, bảy trăm mười bảy đồng).

Trong đó:

Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: 327.126.395.380 đồng (Ba trăm hai mươi bảy tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm tám mươi đồng).

Tính đến thời điểm 11/04/2014, tổng giá trị thực tế của doanh nghiệp: 770.971.539.227 đồng.

So sánh với tổng giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 01/07/2012: 758.719.700.717 đồng.

Chênh lệch tăng về giá trị thực tế doanh nghiệp tính đến thời điểm 11/04/2014: 12.251.838.510 đồng. (Xem chi tiết trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính - Phần III - Bảng tổng hợp tình hình tăng giảm tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu sau điều chỉnh theo Quyết định 626/QĐ-BXD ngày 26/06/2013 của Bộ Xây dựng).

Nguyên nhân:

- Tổng tài sản tăng: 79.246.700.166 đồng, trong đó:

+ Do tài sản ngắn hạn của Công ty từ 01/07/2012 đến 11/04/2014 tăng: 70.441.328.752 đồng.

+ Do đầu tư mua sắm tài sản tài sản cố định và đầu tư dài hạn từ 01/07/2012 đến 11/04/2014 tăng: 8.805.371.414 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Tổng tài sản giảm: 66.994.861.656 đồng, trong đó:
  - + Do khấu hao tài sản cố định từ 01/07/2012 đến 11/04/2014 tăng làm tài sản giảm: 42.457.282.251 đồng.
  - + Do chi phí đầu tư xây dựng cơ bản từ 01/07/2012 đến 11/04/2014 giảm: 104.575.219 đồng.
  - + Do chênh lệch khi xác định giá trị doanh nghiệp từ ngày 01/07/2012 đến 11/04/2014 giảm: 23.600.312.460 đồng. Trong đó: Chuyển khoản lợi nhuận tạm tính của Liên doanh KCN Thăng Long về Tổng công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng LICOGI là 16.618.418.636 đồng (Nghị quyết số 80NQ/TCT-HĐTV ngày 12/11/2013) và khoản nợ phải trả giảm do chi quỹ khen thưởng phúc lợi là 5.806.139.545 đồng, đồng thời hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho là: 1.175.754.279 đồng.
  - + Do giá trị hàng tồn kho giảm làm tài sản giảm: 832.691.726 đồng.

Tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại ngày 11/04/2014: 312.524.481.089 đồng.

So sánh với tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm 01/07/2012: 327.126.395.380 đồng.

Chênh lệch giảm về giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tính đến thời điểm 11/04/2014: (14.601.914.291) đồng.  
Nguyên nhân:

- Do tổng nguồn vốn tăng: 3.691.922.873 đồng. Trong đó bao gồm:
  - + Do lợi nhuận để lại ròng từ 01/07/2012 đến 11/04/2014 là: 3.192.258.624 đồng.
  - + Do trích lập bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi của Nhà máy Nhôm: 160.887.918 đồng.
  - + Do xử lý hàng tồn kho ứ đọng và trích bổ sung khoản dự phòng phải thu khó đòi và đầu tư dài hạn: 338.776.331 đồng.
- Do tổng nguồn vốn giảm: 18.293.837.164 đồng, trong đó:
  - + Do chuyển khoản lợi nhuận tạm tính của Liên doanh KCN Thăng Long về Tổng công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng LICOGI là 16.618.418.636 đồng (Nghị quyết số 80NQ/TCT-HĐTV ngày 12/11/2013).
  - + Do hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi nay thu được tiền làm vốn giảm: 1.566.170.133 đồng (trong đó Văn phòng Công ty là 1.552.384.596 đồng, Nhà máy Nhôm là: 13.785.517 đồng).
  - + Do hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho của Nhà máy Nhôm: 109.248.395 đồng.

Theo Quyết định số 1038/QĐ-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Đông Anh thành Công ty cổ phần thì giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại ngày 11/04/2014 được chuyển thành vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần CKĐA-LICOGI (nay được đổi tên thành Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI) là 310.000.000.000 đồng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Thuế suất áp dụng: 22% lợi nhuận trước thuế (không bao gồm lợi nhuận từ liên doanh).

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**5. THUYẾT MINH ĐIỀU CHỈNH THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 626/QĐ-BXD NGÀY 26/06/2013**

Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp điều chỉnh thuần tại ngày 11/04/2014 là: 26.469.820.061 đồng

Bao gồm:

- Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp điều chỉnh tăng theo Quyết định số 626/QĐ-BXD là: 50.070.132.521 đồng
- Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp điều chỉnh giảm từ ngày 01/07/2012 đến 11/04/2014 là: (23.600.312.460) đồng

Chi tiết:

TM	Chỉ tiêu	Giá trị thực tế doanh nghiệp điều chỉnh theo QĐ 626/BXD	Giá trị thực tế doanh nghiệp tăng, giảm từ 01/07/2012 - 11/04/2014	Giá trị thực tế DN chênh lệch điều chỉnh theo QĐ626/BXD tại ngày 11/04/2014	Ghi chú
1	<b>Phải thu khách hàng</b>	(154.300)	154.300	-	
	- Nhà máy Nhôm Đông Anh				
	+ Công ty TNHH Một thành viên Quyết Thắng	(154.300)	154.300	-	Xác nhận đối chiếu công nợ (chênh lệch do sai số học, đã gửi lại thư xác nhận đối chiếu khớp)
2	<b>Phải thu khác</b>	22.424.558.181	(22.424.558.181)	-	
	Trong đó:				
	- Bổ sung Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của Tổng Công ty số tiền: 16.618.418.636 đồng (theo Nghị quyết số 80NQ/TCT-HDTV ngày 12/11/2013 của Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng)				
	- Phần lợi nhuận được chia để trích quỹ Khen thưởng phúc lợi là: 5.806.139.545 đồng				

TM	Chỉ tiêu	Giá trị thực tế doanh nghiệp điều chỉnh theo QĐ 626/BXD	Giá trị thực tế doanh nghiệp tăng, giảm từ 01/07/2012 - 11/04/2014	Giá trị thực tế DN chênh lệch điều chỉnh theo QĐ626/BXD tại ngày 11/04/2014	Ghi chú
3	<b>Dự phòng các khoản phải thu khó đòi</b>	8.631.223.216	(1.405.282.195)	7.225.941.021	
	- Văn phòng Công ty	8.082.878.596	(1.552.384.596)	6.530.494.000	
	Trong đó:				
	+ Công ty Cổ phần Cơ giới và xây lắp 10	53.271.689	(53.271.689)	-	Nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa làm tăng giá trị tài sản, nay thu được tiền đã hoàn nhập dự phòng.
	+ Công ty Xây lắp và sản xuất Vật liệu xây dựng Quảng Ngãi	33.436.000	(33.436.000)	-	
	+ Công ty TNHH Hoàng Quy	157.786.000	(157.786.000)	-	
	+ Công ty Xây dựng dịch vụ Ngô Quyền	3.484.000.000	(300.000.000)	3.184.000.000	
	+ Ban quản lý Dự án Xi măng Sông Gianh	1.007.890.907	(1.007.890.907)	-	
	+ Công ty Cosevco 9 (Kho đá với Sông Gianh)	3.346.494.000	-	3.346.494.000	
	- Nhà máy Nhôm Đông Anh	548.344.620	147.102.401	695.447.021	
	Trong đó:				
	+ XN11 - Công ty 319 Bộ Quốc phòng	160.887.919	160.887.918	321.775.837	Trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

TM	Chỉ tiêu	Giá trị thực tế doanh nghiệp điều chỉnh theo QĐ 626/BXD	Giá trị thực tế doanh nghiệp tăng, giảm từ 01/07/2012 - 11/04/2014	Giá trị thực tế DN chênh lệch điều chỉnh theo QĐ626/BXD tại ngày 11/04/2014	Ghi chú
+	Công ty Cổ phần Công nghệ Vĩnh Phan	36.388.700	(1.071.098)	35.317.602	Hoàn nhập năm 2013 do khách hàng trả tiền còn lại
+	Công ty TNHH Trung Liên-Giang Tây	12.714.419	(12.714.419)	-	Hoàn nhập năm 2013 do khách hàng trả tiền còn lại
+	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Minh Việt	55.944.433	-	55.944.433	
+	Công ty CP Giang Đông	237.083.938	-	237.083.938	
+	Công ty TNHH Phú Lâm	45.325.211	-	45.325.211	
4	<b>Hàng tồn kho</b>	(4.515.128.838)	336.059.437	(4.179.069.401)	
-	Văn phòng Công ty	(1.717.022.961)	-	(1.717.022.961)	
+	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(1.230.178.093)	-	(1.230.178.093)	
+	Thành phẩm tồn kho	(486.844.868)	-	(486.844.868)	
-	Nhà máy Nhôm Đông Anh	(2.798.105.877)	336.059.437	(2.462.046.440)	
+	Thành phẩm tồn kho	(2.798.105.877)	336.059.437	(2.462.046.440)	Xử lý sản phẩm tồn kho ứ đọng
+	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.742.739.156	(105.672.166)	1.637.066.990	Tăng do trích lập bổ sung dự phòng giảm giá hàng tồn kho/Giảm do hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do xử lý SP tồn kho ứ đọng
5	<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	73.264.598	171.279.148	244.543.746	
-	Văn phòng Công ty	-	133.855.477	133.855.477	Chuyển tài sản cố định thành công cụ dụng cụ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013
-	Nhà máy Nhôm Đông Anh	73.264.598	-	73.264.598	
-	Nhà máy Kết cấu thép và Xây lắp CKĐA	-	37.423.671	37.423.671	
6	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	19.460.098.123	(294.914.315)	19.165.183.808	
-	Nguyên giá	4.128.494.310	237.292.420	4.365.786.730	Chuyển TSCĐ thành công cụ dụng cụ theo
+	Văn phòng Công ty	(633.859.829)	129.111.974	(504.747.855)	
+	Nhà máy Nhôm Đông Anh	4.629.129.742	104.651.281	4.733.781.023	Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thanh lý TSCĐ do hỏng không sử dụng được
+	Nhà máy Kết cấu thép và Xây lắp CKĐA	284.534.397	3.529.165	288.063.562	
+	Tài sản chờ thanh lý	(151.310.000)	-	(151.310.000)	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH (tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

TM	Chỉ tiêu	Giá trị thực tế doanh nghiệp điều chỉnh theo QĐ 626/BXD	Giá trị thực tế doanh nghiệp tăng, giảm từ 01/07/2012 - 11/04/2014	Giá trị thực tế DN chênh lệch điều chỉnh theo QĐ626/BXD tại ngày 11/04/2014	Ghi chú
-	Giá trị hao mòn lũy kế	15.331.603.813	(532.206.735)	14.799.397.078	
+	Văn phòng Công ty	13.080.177.683	(278.628.472)	12.801.549.211	
+	Nhà máy Nhôm Đông Anh	1.689.749.876	(204.419.030)	1.485.330.846	Chuyển TSCĐ thành công cụ dụng cụ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC
+	Nhà máy Kết cấu thép và Xây lắp CKĐA	410.366.254	(49.159.233)	361.207.021	ngày 25/04/2013 và Thanh lý TSCĐ do hỏng không sử dụng được
+	Tài sản chờ thanh lý	151.310.000	-	151.310.000	
7	Chi phí trả trước dài hạn	2.253.532.385	122.621.512	2.376.153.897	
-	Văn phòng Công ty	1.390.889.055	15.661.021	1.406.550.076	Chuyển TSCĐ thành công cụ dụng cụ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013
-	Nhà máy Nhôm Đông Anh	836.595.946	98.754.094	935.350.040	
-	Nhà máy Kết cấu thép và Xây lắp CKĐA	26.047.384	8.206.397	34.253.781	
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.806.139.545	(5.806.139.545)	-	
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	44.263.992.976	(17.794.172.915)	26.469.820.061	
-	Văn phòng Công ty	36.821.481.180	(18.170.803.232)	18.650.677.948	
-	Nhà máy Nhôm Đông Anh	6.721.563.761	376.630.317	7.098.194.078	
-	Nhà máy Kết cấu thép và Xây lắp CKĐA	720.948.035	-	720.948.035	

Người lập biểu




Nguyễn Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lệ

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2014  
 Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hà